

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DSPT

Ngày 08 - 02 - 2021

V/v Tranh chấp đòi tiền theo hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 217/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tiền theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 282/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1979

2. Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Xã Tân Phú T, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1979 (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D, ông T - Luật sư Trần Nguyễn Duy T1, Văn phòng luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trinh E, sinh năm 1988

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963 (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2020)

Cùng địa chỉ: Xã N, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trinh E – Luật sư Nguyễn Văn H, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn H thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Hiếu T3, sinh năm 1982

Địa chỉ: Phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông T, bà D yêu cầu bà Trinh E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà D với bà Trinh E đã ký kết vào năm 2018. Nhưng bà Trinh E chưa thực hiện xong việc trả tiền, nay số tiền còn nợ lại theo hợp đồng là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tạm tính từ ngày 07/01/2019 đến ngày 12/5/2020 là 89.250.000 đồng. Hoặc bà Trinh E giao trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông T và ông T, bà D sẽ trả lại 500.000.000 đồng cho bà Trinh E.

Ngày 18/9/2018, vợ chồng ông T, bà D có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Ngọc A giá là 700.000.000 đồng. Ngày 30/11/2018, ông Huỳnh Văn T được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CS05251, thửa số 551, tờ bản đồ số 09, diện tích 6,516m² đất, tọa lạc tại xã N, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07/12/2018, ông T, bà D chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 551 cho bà Nguyễn Thị Trinh E với giá là 800.000.000 đồng, do thời điểm đó bà Trinh E không có tiền nên hai bên thỏa thuận bà Trinh E sẽ dùng quyền sử dụng đất vừa mua để thế chấp vay ngân hàng rồi thanh toán tiền lại cho ông T, bà D. Tuy nhiên, sau khi sang tên và vay ngân hàng thì bà Trinh E chỉ thanh toán 500.000.000 đồng vào ngày 29/01/2019 và cam kết trong thời gian 30 ngày sẽ trả tiếp số tiền còn lại 300.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông T, bà D nên ông T và bà D khởi kiện.

Đối với Biên nhận tiền ngày 29/01/2019 do ông T2 cung cấp thì ông T chỉ thống nhất một phần, ông T2 cho rằng tại dòng cuối cùng ghi “Trung trả nợ cho anh Tánh rồi” là do viết thêm vào. Sự thật biên nhận không có đoạn này, sau dấu chấm là kết thúc nội dung biên nhận. Đồng thời, biên nhận tiền chỉ có 01 bản chính và hiện tại ông T2 giữ. Vì ông T, bà D là bên nhận tiền nên chỉ chụp hình trong điện thoại để lưu lại mà không lập thành 02 biên nhận.

Nay các nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trinh E phải trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/01/2020 số tiền là 96.900.000 đồng. Đồng thời, các nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là “Hoặc

Trinh Em giao trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông T và ông T, bà D sẽ trả lại 500.000.000 đồng cho Trinh E”.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Trinh E – ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà D. Ngày 07/12/2018, bà Trinh E có nhận chuyển nhượng của ông T, bà D phần đất có diện tích 6.516m², thuộc thửa 551, tờ bản đồ số 09 với giá 800.000.000 đồng thỏa thuận trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng bà Trinh E sẽ thanh toán đủ tiền mua đất cho ông T, bà D.

Tuy nhiên, do thủ tục Ngân hàng không thuận lợi nên đến ngày 29/01/2019 bà Trinh E mới trả số tiền chuyển nhượng đất cho ông T gồm 500.000.000 đồng tiền mặt và 300.000.000 đồng do ông Võ Hiếu T3 trả cho ông T, các bên thống nhất đã thể hiện trong *Biên nhận tiền ngày 29/01/2019*.

Biên nhận tiền ngày 29/01/2019 được lập thành 02 bản như nhau. Ông T và ông T2 (đại diện cho bà Trinh E) mỗi người giữ một bản. Số tiền 300.000.000 đồng ông T3 giao tiền mặt cho ông T cùng ngày 29/01/2019, đây là số tiền ông Trung đã nợ bà Trinh E nên ông T3 đã giao trả trực tiếp cho ông T để trừ số tiền bà Trinh E mua đất của ông T, bà D.

Do đã thỏa thuận số tiền chuyển nhượng như trên, bà Trinh E đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với ông T, bà D do đó bà Trinh E không thống nhất yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu đòi nợ của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Kiều D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Hiếu T3: Ông Võ Hiếu T3 có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ Phường K, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập do ông T3 đã bán nhà đi nhưng chưa cắt hộ khẩu. Các bên đương sự không cung cấp được địa chỉ mới của ông Trung.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều D.

Khi án có hiệu lực, buộc bà Nguyễn Thị Trinh E phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều D số tiền vốn là 300.000.000 đồng và số tiền lãi 48.815.000 đồng.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 28/9/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại vì cho rằng bản án dân sự sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng quy định, gây thiệt hại cho quyền lợi của bị đơn, cụ thể:

Về tố tụng: Nguyên đơn không có chứng cứ nộp cho Tòa án khi đi khởi kiện. Khi Tòa sơ thẩm xét xử, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là bản photo biên nhận tiền ngày 29/01/2019 không có chữ ký của người giao tiền là ông T2 được in từ điện thoại di động. Nguyên đơn cho rằng chỉ có một bản chính nên đã chụp lại là không phù hợp.

Về nội dung: Bị đơn cung cấp chứng cứ bản chính tờ biên nhận nhận tiền ngày 29/01/2019, có chữ ký xác nhận của ông Võ Hiếu T3 không còn nợ nguyên đơn và nguyên đơn cũng có nhận một bản chính. Biên nhận bản chính do bị đơn giữ ngày 29/01/2019 ghi rõ được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Hơn một năm sau nguyên đơn mới đi kiện đòi nợ và biên nhận chỉ là bản chụp màn hình, không có chữ ký của ông T2, không phù hợp với bản chính và chưa được cơ quan chuyên năng giám định. Cấp sơ thẩm buộc bà Trinh E trả 300.000.000 đồng là không có cơ sở.

Mặt khác, phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 468, Điều 500, Điều 501 Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng vì theo Bộ luật dân sự năm 2005 các điều luật trên không phải là căn cứ để áp dụng trong trường hợp tranh chấp đối với vụ án này. Hơn nữa thời điểm thụ lý và xét xử Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để đưa về xét xử lại cho đúng quy định.

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn – Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông T không có chứng cứ và sự việc đã hơn một năm mới đi kiện bị đơn. Lúc lập biên nhận là hai bản, bên ông T2 giữ một bản, bên ông T giữ một bản. Nay ông T chỉ cung cấp bản photo màn hình không có chữ ký của ông T2 trong biên nhận là không đúng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Xuất phát từ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên với giá trị tài sản là 800.000.000 đồng. Phía bị đơn đã thanh toán 500.000.000 đồng và các bên tranh chấp số tiền còn lại 300.000.000 đồng. Thời điểm ghi biên nhận ngày 29/01/2019, ông Võ Hiếu T3 là người trực tiếp ghi biên nhận theo mẫu chỉ có một bản giao cho bên ông T2 giữ, ông T chỉ dùng điện thoại chụp lại. Trước đây, ông T không cung cấp được do màn hình điện thoại bị hư. Sau đó, ông T đã đi phục hồi dữ liệu trong điện thoại lại được và in ra 01 bản cung cấp cho Tòa án. Bị đơn

cho rằng chưa được thẩm định nhưng quá trình giải quyết tại hai cấp Tòa án, bị đơn không yêu cầu trung cầu giám định.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng, ông T chưa nhận nên bà Trinh E phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T. Do bà Trinh E vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nên ông T khởi kiện là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Thời điểm lập biên nhận, ông Võ Hiếu T3 là người trực tiếp viết biên nhận và chỉ viết có một bản do phía bà Trinh E giữ, ông T không giữ biên nhận vì trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có ghi sự kiện pháp lý về số tiền giao dịch 800.000.000 đồng và các thỏa thuận khác của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E phù hợp về thời hạn và hình thức.

Nhận thấy, từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số tiền 800.000.000 đồng, nội dung thỏa thuận 30 ngày sau sẽ trả. Sau đó bà Em thanh toán được 500.000.000 đồng, ghi chú còn nợ lại 300.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn cung cấp biên nhận ngày 29/01/2019, nội dung thể hiện có hai khoản tiền thanh toán khác nhau nhưng tại dòng ghi chú của biên nhận không có chữ ký tên của người nhận số tiền 300.000.000 đồng, bị đơn không chứng minh được ông Trung đã trả nợ thay mình và ông T đã nhận số tiền 300.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E nộp trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Hiếu T3 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng suốt quá trình giải quyết vụ kiện tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm đều vắng mặt, các đương sự trong vụ án cũng không ai cung cấp được địa chỉ khác của ông Hiếu. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hiếu.

[2]. Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E kháng cáo cho rằng bản án dân sự sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng quy định, quyết định của án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan trong vụ án nên yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm và chứng cứ trong hồ sơ thể hiện vào ngày 07/12/2018, giữa ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Kiều D có ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Trinh E quyền sử dụng đất diện tích 6516m², thửa đất số 551, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại địa chỉ xã N, huyện Đ, thành phố Cần Thơ, với số tiền chuyển nhượng là 800.000.000 đồng, phương thức thanh toán là chuyển khoản qua ngân hàng và bên mua sẽ dùng tài sản mua được để thế chấp ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/12/2018, được thực hiện và đến ngày 12/12/2018, bà Nguyễn Thị Trinh E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 29/01/2019, các bên thực hiện việc giao nhận tiền chuyển nhượng đất theo thỏa thuận.

Căn cứ vào Biên nhận tiền ngày 29/01/2019, giữa ông Huỳnh Văn T với ông Nguyễn Văn T2 (cha của bà Trinh E) thể hiện nội dung ông T nhận số tiền 500.000.000 đồng, các bên có ký tên xác nhận và có chữ ký của người làm chứng. Phần dưới biên nhận có ghi chú: *“Phần còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trung đã trả nợ cho Tánh rồi”*, có chữ ký tên và viết họ tên Võ Hiếu T3.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất về việc có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá trị chuyển nhượng là 800.000.000 đồng, phía ông T2, bà Trinh E thừa nhận vào ngày 29/01/2019 đã trả cho ông T 500.000.000 đồng và còn nợ lại 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền còn nợ 300.000.000 đồng bà Trinh E cho rằng ông Võ Hiếu T3 đã thay bà thanh toán xong cho ông T số tiền này. Nguyên đơn khẳng định bị đơn chưa thanh toán số tiền còn nợ tại phần ghi chú và chỉ đồng ý với phần đầu nội dung biên nhận ngày 29/01/2019, còn phần sau ghi chú *“Trung đã trả nợ cho Tánh rồi”*, có chữ ký tên và viết họ tên Võ Hiếu T3” thì ông T không thừa nhận.

Xét thấy, Biên nhận nhận tiền ngày 29/01/2019 đã thể hiện hai nội dung:

- Nội dung thứ nhất là phần chính ghi nhận: Ông Huỳnh Văn T có nhận số tiền 500.000.000 đồng của Huỳnh Thị Trinh E; người ký tên xác nhận nhận tiền là ông Huỳnh Văn T, người giao là ông Huỳnh Văn T2, người làm chứng là ông Võ Trung H.

- Nội dung thứ hai phần ghi chú ghi nhận: *“Phần còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). T3 đã trả nợ cho anh Tánh rồi”*, phần này chỉ có chữ ký và ghi họ tên Võ Hiếu T3, không có chữ ký xác nhận của người nhận tiền là ông Huỳnh Văn T.

Nhận thấy, bà Trinh E không chứng minh được ông H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà, cũng như chứng cứ thể hiện ông T đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bà Trinh E phải trả cho ông T, bà D số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với lý do kháng cáo của bà Trinh E yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Nhận thấy, về tố tụng: Theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án tại bất kỳ giai đoạn nào trước và trong phiên tòa, các đương sự đều có quyền cung cấp tài liệu chứng cứ bản chính, bản sao, bản photo cho Tòa án. Việc xác định chứng cứ và đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ sẽ được Tòa án xem xét quyết định. Đối với phần nội dung: Khi khởi kiện, ông T chỉ cung cấp chứng cứ biên nhận 29/01/2019 bản photo nhưng kèm theo hồ sơ là Biên bản ngày 27/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Cần Thơ hòa giải về việc tranh chấp của các bên theo khiếu nại của ông T, bà D, trong nội dung biên bản hòa giải đã ghi nhận ý kiến trình bày của các bên (bản chính). Tài liệu này cũng được xem là chứng cứ để làm cơ sở khi nộp hồ sơ cho Tòa án. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Trinh E là người giữ bản chính biên nhận nhận tiền ngày 29/01/2019 và cung cấp cho Tòa án, tại phần ghi chú trong biên nhận về việc ông Hiếu đã thanh toán cho ông T 300.000.000 đồng không có chữ ký xác nhận nội dung này của T, bà Trinh E không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh ông T đã nhận số tiền trên. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về lãi suất: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 29/01/2019 đến ngày 15/9/2020 là 19 tháng 16 ngày với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm bằng số tiền 48.815.000 đồng là phù hợp. Các đương sự không kháng cáo nên cần giữ nguyên.

[5]. Đối với việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày, đối chiếu với Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng nhưng cấp sơ thẩm ghi năm 2005 là có thiếu sót nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại là phù hợp.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 274, 275, 280, 468, 500, 501 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều D.

Khi án có hiệu lực, buộc bà Nguyễn Thị Trinh E phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều D số tiền là 300.000.000 đồng và số tiền lãi (tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày 15/9/2020) là 48.815.000 đồng.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trinh E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 17.440.000 đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Kiều D phải nộp số tiền là 2.405.000 đồng, được khấu trừ số tiền 9.732.000 đồng theo biên lai thu số 017400 ngày 12/5/2020 nên ông T và bà D được nhận lại 7.327.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Trinh E phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 017624 ngày 28/9/2020. Công nhận bà Trinh E đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Phong Điền;
- Chi cục THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bích Hải